TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp buộc di dời đất, đá sạt lở và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp buộc di dời đất đá sạt lở và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình K. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn L;

2. Chị Nguyễn Thị X.

Cùng trú tại: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đều vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn N. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn N. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn D. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

3. Ông Đồng Văn T. Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

4. Bà Vũ Thị T. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T: Ông Nguyễn Đình K. Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018), có mặt;

5. Anh Đồng Văn V; Có mặt;

6. Chị Nguyễn Thị S, vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

7. Ông Cao Văn T. Trú tại: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

3. Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

4. Ông Vi Văn L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

6. Ông Vy Văn P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

7. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Công an xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

8. Ông Lê Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

9. Bà Nông Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

10. Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà X, đường C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

11. Ông Phạm Quang T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình K trình bày: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X có mua một mảnh đất tại thửa số 77, tờ bản đồ số 24 diện tích là 260m^2 tại thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa số 77), có vị trí liền kề với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Đình K hiện nay đang làm xưởng mộc. Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X đã thuê máy múc đến san lấp mặt bằng thửa đất trên và nhờ ông Nguyễn Văn N đến trông coi, chỉ đạo thợ lái máy. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/5/2013, ông Nguyễn Văn N đã chỉ đạo máy múc loại to cuốc sâu hàm ếch về phía đất của ông Nguyễn Văn D làm đất đá sạt lở tràn xuống đất của ông Nguyễn Văn N, đất của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X, đất của ông Đồng Văn V, và sạt lở khối lượng đất đá lớn xuống xưởng mộc của ông Nguyễn Đình K làm vùi lấp 06 khối gỗ để phục vụ sản xuất của ông Nguyễn Đình K. Trước khi xảy ra việc sạt lở khoảng 03 đến 04 tháng trước, ông Nguyễn Đình K thấy máy múc đất cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X là máy múc loại nhỏ nên không xảy ra sạt lở, đến khi múc vào phần đất có đá đen máy múc nhỏ không làm được, ông N chỉ đạo máy múc loại to hơn để múc, khi máy múc to múc đất được khoảng 04 đến 05 ngày thì xảy ra sạt lở. Khi sự việc sạt lở xảy ra, ông Nguyễn Đình K đã trực tiếp nhìn thấy và nói với ông Nguyễn Văn N yêu cầu dừng máy múc đồng thời báo trưởng thôn Gốc Me đến giải quyết nhưng chiều ngày 16/5/2013 mới có đại diện chính quyền địa phương đến lập biên bản. Ngày 28/5/2013 Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H tiến hành làm việc giữa các bên có đất sạt lở, và kết luận ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên hệ máy múc thu dọn đất đá trả lại mặt bằng cho ông Nguyễn Đình K, hạn cuối là ngày 02/6/2013, ông N đã ký vào biên bản làm việc. Đến hạn múc đất, ông N không thực hiện nội dung kết luận của Ủy ban nhân dân xã, ông Nguyễn Đình K đã làm đơn nhiều lần gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết nhưng không được nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Nguyễn Đình K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng giải quyết buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X phải thuê máy xúc toàn bộ số đất đá ra khỏi xưởng mộc trả lại mặt bằng cho gia đình ông K và phải bồi thường thiệt hại 06 khối gỗ do bị đất, đá vùi lấp, trường hợp gỗ mục nát thì phải bồi thường số tiền là 30.000.000đồng; thứ hai, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X phải bồi thường 50.000.000đồng do xưởng mộc không có mặt bằng sản xuất kinh doanh gây thất thoát về kinh tế; thứ ba, phải bồi thường 30.000.000đồng là tiền ông K đã phải bồi thường cho 05 công nhân trong xưởng mộc do ông K cho công nhân nghỉ việc không đúng hợp đồng. Tổng số tiền anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X phải bồi thường là 110.000.000đồng, nếu anh L, chị X múc hết đất đá đi mà gỗ không bị mục nát thì phải bồi thường 80.000.000đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2018 và các lời khai sau đó, ông Nguyễn Đình K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải di dời toàn bộ đất đá

sạt lở ra khỏi xưởng mộc, về yêu cầu bồi thường thiệt hại vẫn giữ nguyên như yêu cầu tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Năm 2013, anh Nguyễn Văn L và vợ là Nguyễn Thị X có mua một mảnh đất như ông Nguyễn Đình K trình bày, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất, vợ chồng anh đã thuê anh Cao Văn T san ủi đất lấy mặt bằng, hai bên có lập hợp đồng san ủi đất. Khi san ủi đến điểm cuối cùng của thửa đất số 77, ông Nguyễn Đình K đã thuê máy múc và cho máy đi qua thửa đất số 77 để vào múc đất làm ao trên phần đất của ông Nguyễn Đình K. Quá trình múc đất để san ủi mặt bằng có gặp đá đen hay không anh không biết, anh L không nhận được bất cứ thông tin hay phản ánh nào về việc sạt lở đất sang đất của ông Nguyễn Đình K, cho đến khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án anh mới biết có việc sạt lở xảy ra, anh cũng không giao trách nhiệm cho ông Nguyễn Văn N trông coi hoặc chỉ đạo thợ lái máy múc giúp anh, ông Nguyễn Văn N có xem máy san ủi thì cũng chỉ là tự nguyện sang, do ông N là bố vợ anh và có nhà ở gần đó. Nay ông Nguyễn Đình K khởi kiện vợ chồng anh, anh không đồng ý vì: Đất của nhà anh không sạt lở sang đất nhà ông K, nguyên nhân sạt lở đất không phải từ việc múc đất san ủi mặt bằng mà do ảnh hưởng từ việc ông K múc đất làm ao; ngoài ra, anh Cao Văn T là chủ máy múc khi san ủi đất cho vợ chồng anh cũng không có ý kiến gì về việc sạt, lở đất; không có căn cứ nào chứng minh nguyên nhân sạt lở đất là do máy múc của anh Cao Văn T gây ra; tại biên bản làm việc năm 2013 kết luận ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm múc đất sạt, lở hạn cuối là ngày 02/6/2013, anh L không đồng ý nội dung kết luận này vì ông Nguyễn Văn N không phải là người có quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 77, không phải người thuê máy múc đất, không có trách nhiệm trông nom, quản lý quá trình anh Cao Văn T múc đất; tháng 2 năm 2018 vợ chồng anh đã chuyển nhượng thửa đất số 77 cho vợ chồng anh Đồng Văn V và chị Nguyễn Thị S, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn N trình bày: Nội dung trình bày của anh Nguyễn Văn L là đúng, quá trình san ủi đất đều do anh Nguyễn Văn L trực tiếp thực hiện, chị Nguyễn Thị X không biết gì, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông Nguyễn Văn N trình bày: Lời khai của anh Nguyễn Văn L về việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 77 và quá trình san ủi đất lấy mặt bằng là đúng. Ông là người làm chứng việc anh Cao Văn T và anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X ký hợp đồng múc đất ngày 10/01/2013; sau khi làm hợp đồng anh Cao Văn T thực hiện việc múc đất ngay, việc múc đất thực hiện đến khoảng tháng 2/2013, khi múc gần hết đất chỉ còn hơn một mét đất về phía giáp ranh với đất của ông K thì máy múc dừng lại không múc nữa, ông K có xin cho máy múc đi nhờ qua thửa đất số 77 của anh L, chị Xđể vào thửa đất của ông K múc đất làm ao ngâm gỗ, khi anh Cao Văn T

quay lại múc nốt phần đất còn lại thì ông K ngăn cản vì cho rằng phần đất còn lại của thửa số 77 thuộc diện tích đất của ông K; do đó, anh Cao Văn T dừng múc đất tại thửa số 77 từ đó, anh L, chị X làm các thủ tục khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã Đ và tháng 5/2014 làm đơn khởi kiện tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Đình K, đến tháng 4/2015 Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về anh L, chị X, năm 2016 Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện việc thi hành bản án phúc thẩm, thì anh L, chị X mới thuê anh Cao Văn T đến tiếp tục múc phần đất còn lại mà trước đó bị ngăn cản chưa múc được. Trước khi san ủi đất, anh L, chị X không xin phép cơ quan hoặc người có thẩm quyền nào, cũng không làm thủ tục gì liên quan đến việc xin phép để xin múc đất, san lấp mặt bằng vì năm 2013 tại xã Đ không quy định bắt buộc phải xin phép trước khi san ủi đất; Quá trình san ủi đất ông N không được chỉ đạo thợ lái máy múc như ông K trình bày vì ngày 15/5/2013 ông N đi thi lái sát hạch xe ô tô ở tỉnh Bắc Ninh không có mặt ở nhà. Ngày 16/5/2013, ông N có được tham gia buổi làm việc và ký tên trong biên bản về việc múc đất làm lở đồi có ảnh hưởng đến hộ dân; sau đó ngày 28/5/2013 ông N được làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đ và trình bày ý kiến, nay ông không nhớ nội dung ý kiến của mình nhưng ông N cho rằng, các ý kiến đã trình bày trong các buổi làm việc về việc sạt lở đất ông có chấp nhận liên hệ máy múc đất để múc phần đất sạt lở cho ông K cũng chỉ để ông K không tranh chấp đất với vợ chồng con gái ông nữa, tuy nhiên ông K vẫn tranh chấp nên ông N không thực hiện việc liên hệ máy múc đến múc đất sạt lở cho ông K. Do đó, ông N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, vì việc sạt lở đất không phải là do ảnh hưởng từ việc múc đất tại thửa đất số 77 mà là do mưa nhiều tự sạt lở; thứ hai là Ủy ban nhân dân xã chưa tiến hành hòa giải giữa ông Nguyễn Đình K và anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X về nội dung sạt lở đất; thứ ba là sự việc sạt lở đã xảy ra từ năm 2013 đến nay đã quá thời hiệu khởi kiện, ông K không có quyền khởi kiện nữa.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày: Phần đất sạt lở xuống đất có xưởng mộc của ông K là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Nguyễn Văn D, sự việc sạt lở tại đất của gia đình ông Nguyễn Đình K và nguyên nhân gây ra sạt lở như thế nào anh không nhớ, đất của gia đình anh cũng bị sạt lở nhưng anh không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện, anh Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, do anh bận công việc nên đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn T trình bày: Đất của gia đình ông tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn N và đất của anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X; khoảng tháng 03 năm 2013 ông thấy anh L, chị Xsan ủi đất, ông không thấy có việc sạt lở xảy ra, cũng trong khoảng thời gian trên và ông thấy ông K có đào ao sau nhà để chống sạt lở, sau đó đến tháng 5/2013 do mưa nhiều nên khối lượng đất đá lớn xuống đã sạt lở xuống nhà ông K, ông Nguyễn Văn N và nhà ông, ngày xảy ra sạt lở ông Đồng Văn T không có ở nhà nên không được chứng kiến việc sạt lở. Đối với yêu cầu khởi kiện, ông Đồng Văn T cho rằng không chấp nhận được

vì nguyên nhân sạt lở là do thiên nhiên, mưa nhiều không phải cho việc múc đất của anh L, chị X.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn T trình bày: Năm 2013 anh Cao Văn T có được múc đất tại thửa đất số 77 tuy nhiên người thuê anh là ông Nguyễn Văn N, không phải anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X; Sau khi thỏa thuận múc đất, mấy ngày sau anh múc đất ngay, múc khoảng 01 tháng thì gần xong, lúc đó xảy ra việc tranh chấp đất đai giữa ông K và gia đình ông Nnên anh không múc đất nữa. Quá trình anh Cao Văn T múc đất có làm lở đất tràn sang nhà ông Đồng Văn T, nhưng anh đã tự xử lý phần lở đó, ngoài ra không làm sạt lở lần nào khác, cũng không có ai có ý kiến gì. Khi múc đất, anh Cao Văn T phát hiện có đá đen nên đã nhờ ông Nguyễn Hồng V đến múc phần đá đen, việc múc đá đen như nào anh không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K, anh Cao Văn T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T trình bày: Lời khai của bà Vũ Thị T thống nhất giống lời khai của ông Nguyễn Đình K, bà không có ý kiến nào khác.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đồng Văn V và chị Nguyễn Thị S trình bày thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Văn N, anh Đồng Văn V trình bày quá trình anh L, chị Xmúc đất san mặt bằng không có việc sạt lở xảy ra, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2018, ông Nguyễn Đình K khai tháng 02/2013 ông đã thuê máy múc đất để làm ao ngâm gỗ với chiều dài 20m, rộng 05m đến 06m, sâu 03m, tuy nhiên ngày 12/9/2018, ông K khai ông đã thuê máy múc của ông Nguyễn Hồng V để múc đất làm ao ngâm gỗ như trên nhưng vào thời điểm tháng 3/2013, việc múc đất làm ao này máy múc phải đi nhờ qua thửa đất số 77 của anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X; sau đó tại phiên hòa giải và lời khai sau đó, ông Nguyễn Đình K lại khai thời điểm nhà ông Nguyễn Hồng V múc đất làm ao cho ông là cuối tháng hai, đầu tháng 03 năm 2013. Ngoài ra, ông Nguyễn Đình K cho rằng quá trình anh Cao Văn T múc đất cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X để san ủi mặt bằng được thực hiện vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2013, tại thời điểm này ông có được ngăn cản máy múc không cho máy múc vào phần đất phía cuối thửa số 77 giáp với thửa đất của ông và tranh chấp đất giữa anh L, chị X và ông xảy ra từ đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng gồm ông Lê Văn H, bà Nông Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Vy Văn P, ông Phạm Ngọc L, ông Phạm Xuân Đ đều trình bày có biết việc sạt lở đất tại đất của gia đình ông Nguyễn Đình K, tuy nhiên sự việc sạt lở cụ thể như thế nào và nguyên nhân gây ra sạt lở thì những người làm chứng trên đều không biết.

Những người làm chứng gồm ông Dương Văn T, ông Trần Văn T, ông Vi Văn L đều trình bày được biết ông Nguyễn Đình K mua gỗ và ngâm gỗ vào ao ở đằng sau xưởng mộc của ông Nguyễn Đình K.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Nguyễn Hồng V trình bày thống nhất với lời khai của ông Cao Văn T về việc ông Cao Văn T nhờ ông Nguyễn Hồng V múc hộ phần đá đen trên thửa đất số 77 của anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X; Người lái máy múc là ai ông Vũ không nhớ vì ông thay đổi nhiều thợ lái máy, quá trình múc đất giúp anh Cao Văn T, ông Vũ không thấy thợ lái phản ánh về việc múc làm sạt lở đất. Ông cho rằng về nguyên tắc khi múc đất không bao giờ thợ lái máy múc thành hàm ếch, vì nếu múc như vậy sẽ gây nguy hiểm cho người lái máy và máy múc đầu tiên. Ông Vũ khẳng định có được múc đất cho Nguyễn Đình K để làm ao ngâm gỗ, nhưng thời điểm múc đất làm ao ông Vũ khai không thống nhất, tại biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2018 ông Vũ cho rằng múc đá đen giúp anh Cao Văn T trước sau đó mới múc đất giúp ông Nguyễn Đình K; tại đơn xin đính chính ngày 20/10/2018 ông Vũ cho rằng cuối tháng 2/2013 ông K có nhờ ông múc ao ngâm gỗ, đến tháng 5/2013 anh Cao Văn T nhờ ông Vũ múc đá đen tại mảnh đất của anh L, chị X; Tại đơn xin tự khai ngày 05/11/2018 ông Vũ xin bác bỏ hai lời khai trước đó và khẳng định lại là được múc ao cho ông Nguyễn Đình K trước, sau đó ông Cao Văn T mới gọi đến xúc đất đá cho đất của anh L, chị X.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình K đã yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định nguyên nhân sạt lở đất và biện pháp khắc phục; tại Công văn số 182/CV-TTKĐ ngày 12/10/2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn đã thông báo cho Tòa án với nội dung chưa tiến hành giám định được thời điểm, vị trí sạt lở cũng nguyên nhân sạt lở đất, do còn thiếu tài liệu về địa chất công trình khu vực sạt lở, địa hình khu vực sạt lở trước và sau khi sạt lở, biện pháp tổ chức thi công, tài liệu chi tiết điều kiện thi công, tài liệu chuyên môn kỹ thuật khác; tài liệu còn thiếu trên ông Nguyễn Đình K không thể bổ sung được do đó ông nộp đơn xin rút yêu cầu trưng cầu giám định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đình K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X phải di dời đất đá sạt lở ra khỏi đất của gia đình ông và phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 110.000.000đồng; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn N giữ nguyên ý kiến không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K; Anh Đồng Văn V giữ nguyên ý kiến, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc sạt lở đất xuống đất của ông Nguyễn Đình K là đúng, khối lượng đất sạt lở được xác định là 243m^3 trên diện tích 161,1m^2; Nguyên nhân sạt lở đất được xác định như sau, giải đất khu vực gia đình ông Nguyễn Đình K và các hộ gia đình ở dãy nhà liền kề cùng khu vực nhà ông K nguyên thổ là đất đồi và giáp với đồi, khi các hộ gia đình đến đó để ở đã san ủi mặt bằng để làm nhà và múc vào đồi thành một tà luy đứng; sau khi múc đất tạo thành tà lùy kết cấu các vỉa đất, đá không còn nguyên trạng như trước nên khi trời mưa bị nước ngấm vào dẫn đến sạt, lở, mưa to và nhiều thì sạt lở nhiều. Thực tế cho thấy gia đình ông Nguyễn Đình K cũng đã múc đất làm mặt bằng thành tà luy đứng và múc đất đào ao sát chân tù luy giáp với đất của ông Nguyễn Văn D, do đó có cơ sở để cho rằng việc sạt lở đất là do các hộ gia đình đào đất tạo tà luy đứng và do thiên nhiên trời mưa gây ra; khi mưa đất đá trên tà luy đứng sạt lở trực tiếp xuống khu vực đất đã san ủi mặt bằng. Như vậy, ông Nguyễn Đình K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm di dời toàn bộ khối lượng đất đá sạt, lở gây ra là không có căn cứ. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 588 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn là anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với thủ tục tiền tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án không phải là tranh chấp về đất đai do đó không buộc phải thực hiện thủ tục hòa giải ở cơ sở trước khi khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Sự việc sạt lở đất xảy ra từ năm 2013, năm 2015 ông Nguyễn Đình K đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng nhưng không được thụ lý do thiếu tài liệu, chứng cứ; những năm sau đó ông K tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã để được giải quyết và đến năm 2017 đơn khởi kiện của ông đã được Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng thụ lý, quá trình giải quyết ông K rút đơn khởi kiện, năm 2018 khởi kiện lại. Do vậy, năm 2018 ông Nguyễn Đình K khởi kiện lại là đúng quy định pháp luật, đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình K khởi kiện yêu cầu anh L, chị Xphải di dời đất, đá sạt lở và bồi thường thiệt hại số tiền 110.000.000đồng nếu gỗ bị

mục nát, phải bồi thường 80.000.000đồng nếu gỗ không bị mục nát. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình K giữ nguyên yêu cầu về việc buộc di dời đất, đá sạt lở và khẳng định với nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại ông yêu cầu anh L, chị X phải bồi thường thiệt hại số tiền 110.000.000đồng, nội dung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa vẫn thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu và không thay đổi bản chất, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Xác định khoảng tháng 5 năm 2013, trên thửa đất số 84 và thửa số 93, tờ bản đồ số 24 tại thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Nguyễn Đình K đã bị khối lượng đất, đá lớn thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Nguyễn Văn D sạt lở xuống, hậu quả là lấp toàn bộ ao của ông Nguyễn Đình K. Trước khi xảy ra sạt lở đất, trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình mình, ông Nguyễn Đình K có thực hiện việc múc đất làm ao ngâm gỗ với chiều dài 20m, rộng 05 đến 06m, sâu 03m tại vị trí cuối cùng của thửa đất, ngay dưới chân tà luy, vị trí có điểm sạt lở; để múc đất làm ao ngâm gỗ ông K phải cho máy múc đi nhờ qua thửa đất số 77 thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X để vào thửa đất của ông; giáp ranh với đất của ông Nguyễn Đình K là thửa đất số 77, trước khi xảy ra sạt lở đất, tại thửa số 77 anh L, chị X đã thực hiện việc múc đất, san ủi mặt bằng. Thời điểm cụ thể ông Nguyễn Đình K múc đất đào ao cũng như thời điểm anh L, chị X múc đất san mặt bằng và kết thúc việc múc đất chưa xác định được chính xác do lời khai các bên còn mâu thuẫn và không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, nhưng khẳng định thời điểm sạt lở đất nói trên không cùng thời điểm múc đất của các bên, mà việc sạt lở đất xảy ra sau khi các bên đã múc đất được một thời gian.

[5] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng xem xét thẩm định đã xác định theo hiện trạng thực tế thì, vị trí sạt lở đất nằm trên thửa số 84 và thửa số 93, tờ bản đồ số 24 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đình K; Tổng diện tích đất sạt lở là 161,1m^2; khối lượng đất đá sạt lở trên diện tích 161,1m^2 là 243m^3; Theo ý kiến của ông Nguyễn Đình K thì trên diện tích 161,1m^2 đất của gia đình, khối lượng đất đá sạt lở xuống là 537m^3.

[6] Về xác định nguyên nhân gây ra sạt lở đất: Ông Nguyễn Đình K cho rằng ngày 15/5/2013 là ngày sạt, lở đất và cùng ngày trên ông Nguyễn Văn N trực tiếp chỉ đạo thợ lái máy múc đất thành hàm ếch mới gây ra sạt, lở; tuy nhiên tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh thể hiện ông Nguyễn Văn N đã thi sát hạch lái xe vào ngày 15/5/2013, do đó không có cơ sở xác định ngày 15/5/2013 ông Nguyễn Văn N trực tiếp chỉ đạo thợ lái máy múc đất như ông K trình bày. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, ông K không đưa ra được tài liệu chứng cứ, Tòa án không có cơ sở thu thập tài liệu để xác định người thợ lái máy múc mà ông Nguyễn Văn N chỉ đạo lái máy như ông K trình bày để làm rõ nội dung vụ án; Sau khi sự việc sạt lở đất xảy ra, ông Nguyễn Đình K đã mời đại diện chính quyền địa phương đến lập biên bản vào ngày 16/5/2013, tuy nhiên biên bản chỉ thể hiện nội dung trình bày của ông Nguyễn Đình K về việc bị sạt lở đất, không thể hiện thời điểm cụ thể xảy ra việc

sạt, lở đất cũng như hiện trường vụ việc. Ngoài ra, tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân ngày 28/5/2013 về việc hòa giải giữa ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Đình K cùng các bên liên quan, để xác định trách nhiệm di dời đất đá sạt lở theo yêu cầu của ông K, đã kết luận ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên hệ bên máy múc thu dọn để trả lại mặt bằng, nội dung kết luận này không phải là chứng cứ để xác định nguyên nhân sạt lở đất là do việc múc đất san mặt bằng của anh L, chị X gây ra. Để xác định được nguyên nhân sạt, lở đất, ông Nguyễn Đình K đã đề nghị Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định, tuy nhiên ông Nguyễn Đình K không thể bổ sung được tài liệu theo yêu cầu của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng, Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn do đó không yêu cầu trưng cầu giám định nữa. Như vậy, ông Nguyễn Đình K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc sạt, lở đất trên đất của gia đình ông là hoàn toàn do ảnh hưởng từ việc múc đất san mặt bằng trên thửa đất số 77 của anh L, chị X.

[7] Tại Công văn số 111/CV-UBND ngày 19/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng đã cung cấp thông tin liên quan đến việc múc, san đất như sau: Tại thôn G, xã Đ, huyện H từ năm 2012 đến nay, Ủy ban nhân dân xã chưa ghi nhận trường hợp nào bị ảnh hưởng hoặc thiệt hại do sạt lở đất đá gây ra; thời điểm xảy ra vụ việc sạt lở, việc áp dụng các văn bản luật về hành vi khai thác, san lấp đất đồi còn chưa được áp dụng cụ thể; quá trình san gạt đất của anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X, Ủy ban nhân dân xã không nhận được thông tin phản ánh nào từ các hộ dân liền kề.

[8] Theo lời khai của một số người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì tại dãy đất của ông K và các hộ gia đình liền kề, khi mưa nhiều vẫn có hiện tượng sạt lở xảy ra nhưng với lượng sạt lở ít, riêng nhà ông K bị sạt lở nhiều nhất, tuy nhiên thời điểm cụ thể xảy ra sạt lở và nguyên nhân gây ra sạt, lở không ai biết.

[9] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, qua khảo sát thực tế, Hội đồng xem xét thẩm định xác định nguyên nhân sạt lở đất là do việc đào đất lấy mặt bằng tạo thành vách tà luy đứng và mưa nhiều, việc đào đất lấy mặt bằng ngay dưới vị trí sạt lở mới gây nên sạt lở.

[10] Như vậy, có cơ sở xác định nguyên nhân gây ra sạt lở đất là do tác động ngoại cảnh mưa nhiều và do tác động từ việc múc đất tạo tà luy đứng. Trước khi có việc sạt lở đất xảy ra, tại thửa đất số 77 của anh L, chị X và tại phần đất của hộ ông Nguyễn Đình K đều có thực hiện việc múc đất, tuy chưa có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng tại thời điểm năm 2013 trên địa bàn xã Đ chưa áp dụng văn bản luật liên quan đến việc khai thác, san lấp đất đồi nên không có cơ sở xác định hành vi múc đất của các bên là trái pháp luật. Quá trình anh L, chị X san ủi đất lấy mặt bằng không có ai ý kiến hoặc thông tin phản ánh liên quan đến việc sạt, lở đất; thực tế ông Nguyễn Đình K cũng tác động vào đất của gia đình khi múc đất làm ao tại chân tà luy, ngay dưới điểm sạt lở.

[11] Từ phân tích trên, nhận thấy không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguyên nhân gây ra thiệt hại cho ông Nguyễn Đình K từ việc sạt lở đất là do ảnh hưởng từ việc múc đất san mặt bằng tại thửa đất số 77 của anh L, chị X. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X phải di dời đất đá sạt lở là không có cơ sở chấp nhận.

[12] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hậu quả thực tế ông Nguyễn Đình K phải chịu do ảnh hưởng từ việc bị lấp ao bởi việc sạt lở đất đã được ông K cung cấp một số tài liệu, Tòa án đã thu thập lời khai của một số người làm chứng liên quan đến thiệt hại của ông K, tuy nhiên với lý do trên không có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X có lỗi trong việc sạt lở đất nên anh L, chị X không phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đình K.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Theo khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình K phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[14] Về án phí, yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584, 588, 589 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình K về việc buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị X phải di dời đất, đá sạt lở và bồi thường thiệt hại số tiền 110.000.000đồng (*một trăm mười triệu đồng*) vì không có căn cứ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Đình K phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 4.700.000đồng (*bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*). Xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.500.000đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp 2.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0000833 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, nay ông Nguyễn Đình K còn phải nộp thêm số tiền án phí là 2.750.000đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Phương Thảo